Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

E-ĐKC 10	**10.1. Tạm ứng** - Tạm ứng: **20%** Giá trị hợp đồng, với điều kiện Nhà thầu phải nộp bảo lãnh tạm ứng có giá trị bằng 20% Giá trị hợp đồng tương ứng với số tiền là: **……** đồng. - Thời gian tạm ứng: Trong vòng 14 ngày kể ngày Chủ đầu tư nhận được đầy đủ chứng tư hợp lệ và được EVNCPC cấp vốn KHCB hoặc Tổ chức tín dụng cho vay. *** Hồ sơ tạm ứng:** + 01 bản gốc và 01 bản sao (có dấu sao y bản chính) Bảo lãnh tạm ứng do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành. + 02 bản chính Giấy đề nghị tạm ứng. - Bảo lãnh tạm ứng là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do một ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành theo mẫu quy định trong hợp đồng với giá trị tương ứng giá trị được tạm ứng nêu trên và có thời gian hiệu lực đến hết ngày thứ 28 sau khi bên B hoàn thành tất cả công việc của hợp đồng hoặc đến khi bên Bên A thu hồi hết số tiền tạm ứng tùy điều kiện nào đến trước. - Gia hạn bảo lãnh tạm ứng: Nếu bên A chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, bên B phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho bên A tối thiểu 21 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu bên B không giao nộp đúng hạn, bên A có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do bên B chi trả. Tịch thu bảo lãnh tạm ứng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) bên A có bằng chứng trong việc bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) bên B không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà bên A chưa thu hồi hết tạm ứng; (3) bên B không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định. Bên A có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp bên B vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định. Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì bên A có quyền tịch thu bảo lãnh. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu bên A lựa chọn khấu trừ

	bất kỳ khoản tiền nào mà bên B có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó bên B có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng." **- Quản lý chi phí tạm ứng:** Sau khi ký hợp đồng, nhà thầu phải trình cho CĐT kế hoạch sử dụng tiền tạm ứng (như chi trả mua thiết bị phục vụ công tác giám sát, thuê chuyên gia tư vấn, ...). Trường hợp Chủ đầu tư phát hiện nhà thầu sử dụng khoản tạm ứng không đúng cho gói thầu thì sẽ tiến hành thu bảo lãnh tạm ứng của nhà thầu. - **Phương thức thu hồi tiền tạm ứng**: Tiền tạm ứng được thu hồi dần qua các lần thanh toán và phải bảo đảm tiền tạm ứng được thu hồi hết khi giá trị thanh toán đạt 80% giá hợp đồng đã ký kết tương ứng cho từng công trình. Bên B phải đảm bảo rằng bảo đảm tiền tạm ứng là có giá trị và có hiệu lực cho đến khi bên A kết thúc hoàn toàn việc thu hồi tạm ứng. Trường hợp tạm ứng vẫn chưa được hoàn trả trước khi ký biên bản nghiệm thu công trình và trước khi chấm dứt Hợp đồng, khi đó toàn bộ số tiền tạm ứng chưa thu hồi được này sẽ là nợ đến hạn và bên B phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Bên A. Trường hợp nhà thầu không thực hiện hợp đồng, toàn bộ khoản tạm ứng sẽ được thu hồi thông qua bảo lãnh tạm ứng của ngân hàng đã phát hành cho nhà thầu. **10.2. Thanh toán** - Phương thức thanh toán: Chuyển khoản. - Đồng tiền thanh toán: VND. - Thời hạn thanh toán: Trong vòng 14 ngày, kể từ ngày Chủ đầu tư nhận được đầy đủ chứng từ hợp lệ và được EVNCPC cấp vốn KHCB hoặc Tổ chức tín dụng cho vay. - Số lần thanh toán: 2 đợt/công trình. + Đợt 1: Sau khi công trình được nghiệm thu hoàn thành để đưa vào sử dụng chủ đầu tư sẽ thanh toán cho nhà thầu 90% giá trị được hai bên thống nhất. + Đợt 2: Sau khi công trình được chủ đầu tư phê duyệt quyết toán, chủ đầu tư sẽ thanh toán hết số tiền còn lại cho nhà thầu. - Tại thời điểm hoặc trước thời điểm nghiệm thu toàn bộ công trình vào sử dụng, nhà thầu và chủ đầu tư phải tiến hành nghiệm thu công việc giám sát, lập phiếu giá thanh toán, nhà thầu có trách nhiệm xuất hóa đơn tài chính cho từng công trình thuộc gói thầu đồng thời với phiếu giá thanh toán để làm cơ sở thanh toán theo hợp đồng. - Hồ sơ thanh toán bao gồm: + Báo cáo giám sát của Nhà thầu;

	+ Biên bản nghiệm thu công việc giám sát hoàn thành; + Phiếu giá được hai bên ký; + Hóa đơn giá trị gia tăng theo từng công trình và phù hợp với giá trị được thanh toán. Bên B giám sát về khối lượng thi công mà không có hình ảnh hoặc có hình ảnh mà chất lượng hình ảnh không đảm bảo với các đối tượng phải chụp ảnh theo quy định tại điều khoản tham chiếu trước khi chuyển bước thi công thì Bên A sẽ không thanh toán cho Bên B giá trị tỷ lệ tương ứng phần khối lượng đó.
E-ĐKC 22.2	Giải quyết tranh chấp: + Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp, hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau. + Sau khoảng thời gian này, nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng trong thời gian 28 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền nơi Bên A (Công ty Điện lực Đắk Lắk) đặt trụ sở chính giải quyết theo quy định của pháp luật. - Nhà thầu có thời hạn 90 ngày (kể từ ngày Chủ đầu tư có văn bản gửi nhà thầu thông báo quyết định xử lý vi phạm, đơn phương chấm dứt hợp đồng) để thực hiện quyền phản đối, khiếu nại việc Chủ đầu tư xử lý vi phạm, đơn phương chấm dứt hợp đồng. Hết thời hạn này, nếu nhà thầu không có văn bản phản đối thì các quyết định xử lý vi phạm của chủ đầu tư sẽ là căn cứ để đánh giá năng lực kinh nghiệm và uy tín nhà thầu trong các gói thầu tương tự, trừ trường hợp nội dung phản đối đã được tòa án hoặc trọng tài thụ lý giải quyết theo quy định pháp luật về tố tụng.